

**PHỤ BIỂU CHI TIẾT**

(Kèm theo Báo cáo số:

/BC-UBND ngày /12/2021 của UBND huyện Yên Thế)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>			<b>179.582.872</b>	<b>50.088.950</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn tăng lương, tăng biên chế, kinh phí hoạt động phát sinh năm 2021</b>			<b>301.519</b>	<b>301.519</b>	
1	Bổ sung hỗ trợ Hội nạn nhân chất độc da cam Dioxin kinh phí tổ chức kỷ niệm 60 năm thảm họa da cam Việt Nam	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Hội nạn nhân chất độc da cam Dioxin huyện	10.200	10.200	
2	Kinh phí làm khung, in bạt mã QR Code đặt tại trụ sở làm việc các cơ quan, đơn vị trong huyện phục vụ phòng, chống dịch Covid-19	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Phòng Văn hóa và Thông tin	5.160	5.160	
3	Bổ sung cho Ban Tuyên giáo Huyện ủy kinh phí tổ chức Hội thi báo cáo viên giỏi cấp huyện và tham gia Hội thi cấp tỉnh năm 2021	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Ban Tuyên giáo Huyện ủy	43.115	43.115	
4	Kinh phí tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trên địa bàn huyện	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Ban Dân vận Huyện ủy	89.308	89.308	
5	Kinh phí tổ chức cuộc thi Dân vận khéo	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Ban Dân vận Huyện ủy	59.475	59.475	
6	Hỗ trợ Chi cục Thống kê huyện kinh phí in ấn cuốn niên giám thống kê huyện Yên Thế	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Chi cục Thống kê	10.000	10.000	
7	Kinh phí làm Tờ rơi tuyên truyền thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	Văn phòng HĐND và UBND huyện	9.000	9.000	
8	Hỗ trợ Ban CHQS huyện kinh phí trợ cấp gia đình Dân quân binh chủng năm 2021 và tham gia Hội thi Trung đội súng máy PK 12,7mm tại Bộ CHQS tỉnh năm 2021	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	Ban CHQS huyện	71.450	71.450	
9	Kinh phí giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn Nam, bản Đồn, xã Canh Nậu	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	Thanh tra huyện	3.810	3.810	
<b>II</b>	<b>Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021</b>			<b>1.359.550</b>	<b>1.359.550</b>	
1	<b>Hỗ trợ Trung tâm Y tế huyện kinh phí mua vật tư, hóa chất phòng, chống dịch bệnh Covid-19</b>			<b>1.345.250</b>	<b>1.345.250</b>	
-	Tuýp chứa môi trường bảo quản virus hô hấp	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	315.000	315.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
-	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên SARS-CoV-2	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	337.500	337.500	
-	Ống Facol 15 ml	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	38.000	38.000	
-	Que mềm lấy dịch tị hầu	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	43.500	43.500	
-	Nhiệt kế thủy ngân	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	26.000	26.000	
-	Quần áo mưa dùng 1 lần	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	4.500	4.500	
-	Huyết áp đồng hồ + ống nghe tim phổi	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	9.750	9.750	
-	Que thử xét nghiệm kháng nguyên vi rút SARS - CoV2 (StandardTM Q Covid -19 Ag Test)	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	195.000	195.000	
-	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh THA 500 ml	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	64.500	64.500	
-	Chloramin B	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	149.500	149.500	
-	Thuốc phun muỗi Bermethrin 50EC	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	27.000	27.000	
-	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên SARS-CoV-2 (Trueline COVID-19 Ag Rapid Test)	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	135.000	135.000	
<b>2</b>	<b>Kinh phí mua trang thiết bị phục vụ việc lấy mẫu xét nghiệm Covid-19 tích hợp trên nền tảng Bluzone</b>			<b>14.300</b>	<b>14.300</b>	
-	Đầu đọc mã QR 2D ATS 3610-U có chân đế	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	10.520	10.520	
-	Bộ phát wifi và sim 4G để cấp mạng wifi cho máy tính ở các điểm không có internet wifi có dây	587/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Trung tâm Y tế huyện	3.780	3.780	
<b>III</b>	<b>Sự nghiệp văn hóa</b>			<b>881.638</b>	<b>881.638</b>	
1	Điều chỉnh giảm kinh phí tổ chức Lễ hội Yên Thế năm 2021 - Bổ sung tăng cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc Hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (Kinh phí bầu cử)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		881.638	881.638	
<b>IV</b>	<b>Vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu Quốc gia</b>			<b>2.416.950</b>	<b>2.196.950</b>	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021</b>			<b>1.840.000</b>	<b>1.620.000</b>	
1.1	Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021			100.000	100.000	
-	<i>Kinh phí quản lý Chương trình cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư</i>	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	<i>Phòng NN&amp;PTNT huyện</i>	50.000	50.000	
-	<i>Kinh phí nâng cao chất lượng thực hiện Chu trình Chương trình mỗi xã một sản phẩm, do Phòng NN&amp;PTNT làm chủ đầu tư (OCOP)</i>	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	<i>Phòng NN&amp;PTNT huyện</i>	50.000	50.000	
1.2	Kinh phí hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải rắn; thu gom, xử lý nước sinh hoạt tập trung, phân tán; cải tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp ( <i>thôn nông thôn mới kiểu mẫu</i> ), cho UBND xã An Thượng, UBND xã Đồng Tâm và UBND xã Hương Vĩ (mỗi xã 30 triệu đồng)	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã: An Thượng, Đồng Tâm và Hương Vĩ	90.000	90.000	
1.3	Kinh phí hoàn thiện hệ thống trung tâm văn hóa - thể thao - nhà văn hóa - khu trung tâm thôn, bản			430.000	430.000	
+	<i>UBND xã Đồng Tâm</i>	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	<i>UBND xã Đồng Tâm</i>	150.000	150.000	
+	<i>UBND xã Hương Vĩ</i>	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	<i>UBND xã Hương Vĩ</i>	30.000	30.000	
+	<i>UBND xã Hồng Kỳ</i>	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	<i>UBND xã Hồng Kỳ</i>	250.000	250.000	
1.4	Phân bổ vốn sự nghiệp NSTW: Duy tu bảo dưỡng thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021		1.220.000	1.000.000	
-	Nhà văn hóa thôn Trại Hồng Nam, Trại Nhì, Trại sáu, hạng mục: Nền, mái, sơn tường nhà văn hóa	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	340.000	300.000	
-	<i>Nhà văn hóa bản Cầu Nhãn; Nam Cầu, hạng mục: Xử lý thấm trần; sơn trong, ngoài; cửa nhà văn hóa Cầu Nhãn; Cửa, sân nhà văn hóa bản Nam Cầu.</i>	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	<i>UBND xã Xuân Lương</i>	150.000	120.000	
-	<i>Nhà văn hóa thôn Luộc Giới, hạng mục: Quét vôi tường NVH, cửa sổ, biển cổng, tường bao NVH.</i>	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	<i>UBND xã Tân Hiệp</i>	80.000	60.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
-	Trạm y tế xã, hạng mục: Cổng, sân, tường bao.	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Tam Hiệp	310.000	220.000	
-	Nhà văn hóa thôn Đồng Lân, Giếng Chánh, hạng mục: Sơn tường, tường bao nhà văn hóa thôn Đồng Lân; Tường bao nhà văn hóa thôn Giếng Chánh	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Đồng Kỳ	170.000	150.000	
-	Trạm y tế xã, hạng mục: Duy tu mái vòm	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Đồng Tâm	170.000	150.000	
<b>2</b>	<b>Điều chỉnh tăng, giảm vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021 (vốn ngân sách tỉnh)</b>			<b>576.950</b>	<b>576.950</b>	
<b>2.1</b>	<b>Xã Đồng Tâm</b>			<b>96.950</b>	<b>96.950</b>	
-	Cải tạo, nâng cấp khu thể thao, nhà văn hóa thôn Tân Sỏi xã Đồng Tâm	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Đồng Tâm	(91.986)	(91.986)	
-	Cải tạo nhà văn hóa thôn Tân Hồng	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Đồng Tâm	(4.964)	(4.964)	
-	Cải tạo, xây tường bao nâng cấp khuôn viên nhà văn hóa thôn Hồng Lạc	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Đồng Tâm	50.950	50.950	
-	Xây mới khu thể thao thôn Tân Kỳ	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Đồng Tâm	46.000	46.000	
<b>2.2</b>	<b>Xã Hồng Kỳ</b>			<b>480.000</b>	<b>480.000</b>	
-	Xây mới khu trung tâm thể thao xã	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	(480.000)	(480.000)	
-	Khu trung tâm thể thao thôn Đền Giếng	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	100.000	100.000	
-	Khu trung tâm thể thao thôn Đồng Nghĩa	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	100.000	100.000	
-	Khu trung tâm thể thao bản Trại Nhi	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	100.000	100.000	
-	Xây dựng nghĩa trang ND Làng Ba - Cầu Tư	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	30.000	30.000	
-	Xây dựng nghĩa trang ND Trại Hồng	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	20.000	20.000	
-	Xây dựng nghĩa trang ND Trại Hồng Nam	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	20.000	20.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
-	Xây dựng nghĩa trang ND Trại Sáu	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	20.000	20.000	
-	Xây dựng nghĩa trang ND Đồng Nghĩa	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	30.000	30.000	
-	Xây dựng nghĩa trang ND Đền Hồng - Trại Nhi	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	30.000	30.000	
-	Xây dựng nghĩa trang ND Trại Nhi- Đền Hồng	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hồng Kỳ	30.000	30.000	
<b>V</b>	<b>Nguồn dự phòng ngân sách huyện</b>			<b>5.411.765</b>	<b>5.411.765</b>	
<b>1</b>	<b>Bổ sung cho Trung tâm Y tế huyện kinh phí mua vật tư, hóa chất, trang phục bảo hộ phục vụ phòng chống dịch Covid-19 (đợt 2 năm 2021)</b>			<b>358.400</b>	<b>358.400</b>	
1.1	Mua vật tư y tế			288.500	288.500	
-	Bộ trang phục phòng, chống dịch	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	138.000	138.000	
-	Kính chống giọt bắn	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	44.000	44.000	
-	Que mềm lấy dịch tỵ hầu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	90.000	90.000	
-	Tăm bông cán nhựa lấy dịch họng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	7.500	7.500	
-	Nhiệt kế thủy ngân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	9.000	9.000	
1.2	Vật tư phục vụ công tác phòng dịch			47.000	47.000	
-	Xăng xe chuyển người dân đi đến khu vực cách ly phòng, chống dịch; chuyển mẫu bệnh phẩm Covid-19 đi xét nghiệm; xe đi giám sát, chỉ đạo công tác phòng, chống dịch	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	45.000	45.000	
-	Vách ngăn ô tô vận chuyển người dân đi cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	2.000	2.000	
1.3	Vật tư văn phòng phẩm phục vụ công tác phòng, chống dịch			22.900	22.900	
-	Giấy xác nhận tiêm vắc xin	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	6.000	6.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
-	Phiếu khai báo y tế	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	3.500	3.500	
-	Phiếu cam kết thực hiện các biện pháp cách ly y tế	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	1.750	1.750	
-	Phiếu theo dõi sức khỏe	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	7.000	7.000	
-	Bút dạ kính ghi mẫu xét nghiệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	1.000	1.000	
-	Bút bi Thiên Long	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	1.500	1.500	
-	Giấy gói mẫu bệnh phẩm xét nghiệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	1.000	1.000	
-	Túi zip đựng mẫu bệnh phẩm xét nghiệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	1.150	1.150	
<b>2</b>	<b>Bổ sung cho Trung tâm Y tế huyện kinh phí mua vật tư, hóa chất, trang phục bảo hộ phục vụ phòng chống dịch Covid-19 (dợt 3 năm 2021)</b>			<b>1.686.220</b>	<b>1.686.220</b>	
-	Que mềm lấy dịch ty hầu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	345.000	345.000	
-	Tấm bông cán nhựa lấy dịch họng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	6.300	6.300	
-	Bông y tế	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	2.390	2.390	
-	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh THA 500ml	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	64.500	64.500	
-	Găng tay khám bệnh	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	32.650	32.650	
-	Túi đựng chất thải y tế	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	6.000	6.000	
-	Cồn 70 độ	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	520	520	
-	Găng tay sản dài	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	32.000	32.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
-	Máy đo nồng độ oxy trong máu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	10.000	10.000	
-	Nhiệt kế thủy ngân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	30.000	30.000	
-	Máy đo thân nhiệt điện tử cầm tay	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	19.600	19.600	
-	Mẫu giấy tiệt trùng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	4.260	4.260	
-	Huyết áp + ống nghe	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	14.000	14.000	
-	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	405.000	405.000	
-	StandarTM Q Covid-19 Ag test	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	306.500	306.500	
-	Bộ trang phục phòng, chống dịch	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	89.500	89.500	
-	Phiếu khai báo y tế	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	4.000	4.000	
-	Phiếu cam kết thực hiện các biện pháp cách ly y tế	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	2.000	2.000	
-	Phiếu theo dõi sức khỏe	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	2.000	2.000	
-	Giấy chứng nhận tiêm vắc xin (đủ 02 mũi)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	2.000	2.000	
-	Phông, bạt, bàn ghế phục vụ tiêm vắc xin	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	8.000	8.000	
-	Xây dựng cơ sở cách ly điều trị bệnh nhân nhiễm Covid-19; hạng mục: Nhà làm việc và nghỉ của của nhân viên điều trị; sửa chữa nhà phân luồng bệnh nhân; vách tôn ngăn cách	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Trung tâm Y tế huyện	300.000	300.000	
<b>3</b>	<b>Bổ sung cho Ban CHQS huyện kinh phí bảo đảm vật chất hậu cần khu cách ly tập trung của huyện</b>			<b>2.431.840</b>	<b>2.431.840</b>	
-	<b>Khu cách ly tập trung tại Trường mầm non thị trấn Bồ Hạ</b>			<b>519.540</b>	<b>519.540</b>	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Tiền ăn cho người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (22 người x 30 ngày x 80.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	52.800	52.800	
+	Phụ cấp chống dịch đối với người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (22 người x 30 ngày x 150.000đ/người/ngày)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	99.000	99.000	
+	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt đối với người cách ly tại khu cách ly (150 người x 30 ngày x 40.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	180.000	180.000	
+	Thùng đựng rác trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	10.920	10.920	
+	Chổi lau trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.300	1.300	
+	Chổi chít trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.300	1.300	
+	Chổi xuong ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	800	800	
+	Chổi nhựa trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	910	910	
+	Chổi cọ bồn cầu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	520	520	
+	Hót rác trong phòng công dân cách ly + ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	300	300	
+	Ấm đun nước trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.900	3.900	
+	Chậu rửa mặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.040	1.040	
+	Chậu giặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.820	1.820	
+	Gối cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.750	3.750	
+	Chiếu cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	6.000	6.000	
+	Chăn, màn cá nhân 1,2m	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	52.500	52.500	



TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Quạt cây ( Bổ sung 5 khu )	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	12.000	12.000	
+	Thùng đựng rác to 120 lít ( Bổ sung 5 khu ) C.cộng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	4.500	4.500	
+	Thuê xe 45 chỗ vận chuyển CN	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	12.000	12.000	
+	Xăng, dầu vận chuyển vật chất, trở com	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.000	3.000	
+	Điện sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	21.000	21.000	
+	Nước sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	37.800	37.800	
+	Lắp đặt Intenex thuê bao 6 tháng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	6.750	6.750	
+	Bình xịt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.040	1.040	
+	Bình phun thuốc khử khuẩn 20 lít	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	800	800	
+	Loa cầm tay TOA ER-31215 15W	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Làm biển bảng các khu vực	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.250	1.250	
+	Biển phòng ở, phòng điều hành, phòng đệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	540	540	
-	<b>Khu cách ly tập trung tại Trường phổ thông Dân tộc nội trú</b>			<b>377.640</b>	<b>377.640</b>	
+	Tiền ăn cho người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (22 người x 30 ngày x 80.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	52.800	52.800	
+	Phụ cấp chống dịch đối với người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (22 người x 30 ngày x 150.000đ/người/ngày)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	99.000	99.000	
+	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt đối với người cách tại khu cách ly (120 người x 30 ngày x 40.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	144.000	144.000	
+	Thùng đựng rác trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	12.600	12.600	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Chổi lau trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.500	1.500	
+	Chổi chít trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.500	1.500	
+	Chổi xương ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	800	800	
+	Chổi nhựa trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.050	1.050	
+	Chổi cọ bồn cầu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	600	600	
+	Hót rác trong phòng công dân cách ly + ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	400	400	
+	Ấm đun nước trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	4.500	4.500	
+	Chậu rửa mặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.200	1.200	
+	Chậu giặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.100	2.100	
+	Gối cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.000	3.000	
+	Chiều cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	4.800	4.800	
+	Chăn, màn cá nhân 1,2m	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	42.000	42.000	
+	Bình xịt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.200	1.200	
+	Bình phun thuốc khử khuẩn 20 lít	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	800	800	
+	Loa cầm tay TOA ER-31215 15W	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Làm biển bảng các khu vực	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.250	1.250	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Biển phòng ở, phòng điều hành, phòng đệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	540	540	
-	<b>Khu cách ly tập trung tại Trường mầm non Cầu Gò</b>			<b>256.095</b>	<b>256.095</b>	
+	Tiền ăn cho người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (16 người x 30 ngày x 80.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	38.400	38.400	
+	Phụ cấp chống dịch đối với người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (16 người x 30 ngày x 150.000đ/người/ngày)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	72.000	72.000	
+	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt đối với người cách tại khu cách ly (80 người x 30 ngày x 40.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	96.000	96.000	
+	Thùng đựng rác trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.570	3.570	
+	Chổi lau trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	850	850	
+	Chổi chít trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	850	850	
+	Chổi xương ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	400	400	
+	Chổi nhựa trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	595	595	
+	Chổi cọ bồn cầu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	340	340	
+	Hót rác trong phòng công dân cách ly + ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	200	200	
+	Ấm đun nước trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.550	2.550	
+	Chậu rửa mặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	680	680	
+	Chậu giặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.190	1.190	
+	Gối cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Chiếu cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.200	3.200	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Chăn, màn cá nhân 1,2m	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	28.000	28.000	
+	Bình xịt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	680	680	
+	Bình phun thuốc khử khuẩn 20 lít	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	800	800	
+	Loa cầm tay TOA ER-31215 15W	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Làm biển bảng các khu vực	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.250	1.250	
+	Biển phòng ở, phòng điều hành, phòng đệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	540	540	
-	<b>Khu cách ly tập trung tại Trường mầm non Canh Nậu</b>			<b>335.315</b>	<b>335.315</b>	
+	Tiền ăn cho người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (15 người x 30 ngày x 80.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	36.000	36.000	
+	Phụ cấp chống dịch đối với người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (15 người x 30 ngày x 150.000đ/người/ngày)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	67.500	67.500	
+	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt đối với người cách tại khu cách ly (85 người x 30 ngày x 40.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	102.000	102.000	
+	Thùng đựng rác trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	8.820	8.820	
+	Chổi lau trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.050	1.050	
+	Chổi chít trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.050	1.050	
+	Chổi xương ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	600	600	
+	Chổi nhựa trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	735	735	
+	Chổi cọ bồn cầu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	420	420	
+	Hót rác trong phòng công dân cách ly + ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	260	260	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Ấm đun nước trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.150	3.150	
+	Chậu rửa mặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	840	840	
+	Chậu giặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.470	1.470	
+	Gối cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.975	2.975	
+	Chiếu cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.825	3.825	
+	Chăn, màn cá nhân 1,2m	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	29.750	29.750	
+	Quạt cây 21 phòng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	8.400	8.400	
+	Thùng đựng rác to 120 lít C.cộng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.250	2.250	
+	Xăng, dầu vận chuyển vật chất	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Điện sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	11.550	11.550	
+	Nước sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	21.000	21.000	
+	Lắp đặt Intenex thuê bao 6 tháng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.350	1.350	
+	Bình xịt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	840	840	
+	Bình phun thuốc khử khuẩn 20 lít	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	800	800	
+	Loa cầm tay TOA ER-31215 15W	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Làm biển bảng các khu vực	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.250	1.250	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Biển phòng ở, phòng điều hành, phòng đệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	540	540	
+	Bệt vệ sinh Inax C-504VAN	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	10.000	10.000	
+	Vòi nóng lạnh cắm chậu Inox 304 chân đế bằng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	600	600	
+	Vòi nước xả Inax	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	140	140	
+	Dây bơm nước	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.250	1.250	
+	Dây điện đôi trần phủ 2x2,5	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.500	2.500	
+	Bóng điện Led trụ rạng đồng 40W	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	900	900	
+	Vách ngăn phòng nhựa	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	7.500	7.500	
-	<b>Khu cách ly tập trung tại Trường mầm non Hồng Kỳ</b>			<b>309.100</b>	<b>309.100</b>	
+	Tiền ăn cho người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (15 người x 30 ngày x 80.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	36.000	36.000	
+	Phụ cấp chống dịch đối với người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (15 người x 30 ngày x 150.000đ/người/ngày)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	67.500	67.500	
+	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt đối với người cách ly tại khu cách ly (80 người x 30 ngày x 40.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	96.000	96.000	
+	Thùng đựng rác trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	5.040	5.040	
+	Chổi lau trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.200	1.200	
+	Chổi chít trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	600	600	
+	Chổi xương ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	400	400	
+	Chổi nhựa trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	420	420	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Chổi cọ bồn cầu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	240	240	
+	Hót rác trong phòng công dân cách ly + ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	150	150	
+	Ấm đun nước trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.800	1.800	
+	Chậu rửa mặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	480	480	
+	Chậu giặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	840	840	
+	Gối cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.800	2.800	
+	Chiếu cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.600	3.600	
+	Chăn, màn cá nhân 1,0m	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	28.000	28.000	
+	Quạt cây 21 phòng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	4.800	4.800	
+	Thùng đựng rác to 120 lít C.cộng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.800	1.800	
+	Phích nước nóng rạng đông	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.800	1.800	
+	Xăng, dầu vận chuyển vật chất, chuyển com	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Điện sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	11.550	11.550	
+	Nước sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	21.000	21.000	
+	Lắp đặt Intenex thuê bao 6 tháng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.350	1.350	
+	Bình xịt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	840	840	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Bình phun thuốc khử khuẩn 20 lít	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	800	800	
+	Loa cầm tay TOA ER-31215 15W	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Làm biển bảng các khu vực	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.250	1.250	
+	Biển phòng ở, phòng điều hành, phòng đệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	540	540	
+	Lắp đặt Camera giám sát cổng phụ	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.500	1.500	
+	Phán nằm 1,0x2,0m	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	12.800	12.800	
-	<b>Khu cách ly tập trung tại Trường mầm non Hương Vỹ</b>			<b>213.940</b>	<b>213.940</b>	
+	Tiền ăn cho người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (15 người x 21 ngày x 80.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	25.200	25.200	
+	Phụ cấp chống dịch đối với người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (15 người x 21 ngày x 150.000đ/người/ngày)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	47.250	47.250	
+	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt đối với người cách tại khu cách ly (80 người x 21 ngày x 40.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	67.200	67.200	
+	Thùng đựng rác trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	4.200	4.200	
+	Chổi lau trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.000	1.000	
+	Chổi chít trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	500	500	
+	Chổi xuong ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	400	400	
+	Chổi nhựa trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	350	350	
+	Chổi cọ bồn cầu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	200	200	
+	Hót rác trong phòng công dân cách ly + ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	150	150	



TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Ấm đun nước trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.500	1.500	
+	Chậu rửa mặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	400	400	
+	Chậu giặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	700	700	
+	Gối cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.800	2.800	
+	Chiều cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.600	3.600	
+	Chăn, màn cá nhân 1,0m	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	28.000	28.000	
+	Quạt cây 21 phòng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	4.000	4.000	
+	Thùng đựng rác to 120 lít C.cộng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.800	1.800	
+	Phích nước nóng rạng đông	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.500	1.500	
+	Xăng, dầu vận chuyển vật chất, chuyển com	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Điện sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.150	3.150	
+	Nước sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	4.200	4.200	
+	Lắp đặt Intenex thuê bao 6 tháng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.350	1.350	
+	Bình xịt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	400	400	
+	Bình phun thuốc khử khuẩn 20 lít	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	800	800	
+	Loa cầm tay TOA ER-31215 15W	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Làm biển bảng các khu vực	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.250	1.250	
+	Biển phòng ở, phòng điều hành, phòng đệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	540	540	
+	Vách ngăn nhựa khu vực nấu ăn	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	7.500	7.500	
-	<b>Khu cách ly tập trung tại Trường mầm non Đồng Kỳ</b>			<b>204.955</b>	<b>204.955</b>	
+	Tiền ăn cho người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (15 người x 21 ngày x 80.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	25.200	25.200	
+	Phụ cấp chống dịch đối với người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (15 người x 21 ngày x 150.000đ/người/ngày)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	47.250	47.250	
+	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt đối với người cách tại khu cách ly (80 người x 21 ngày x 40.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	67.200	67.200	
+	Thùng đựng rác trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.780	3.780	
+	Chổi lau trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	900	900	
+	Chổi chít trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	450	450	
+	Chổi xuong ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	400	400	
+	Chổi nhựa trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	315	315	
+	Chổi cọ bồn cầu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	180	180	
+	Hót rác trong phòng công dân cách ly + ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	140	140	
+	Ấm đun nước trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.350	1.350	
+	Chậu rửa mặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	360	360	
+	Chậu giặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	630	630	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Gói cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.800	2.800	
+	Chiếu cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.600	3.600	
+	Chăn, màn cá nhân 1,0m	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	28.000	28.000	
+	Quạt cây 21 phòng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.600	3.600	
+	Thùng đựng rác to 120 lít C.cộng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.800	1.800	
+	Phích nước nóng rạng đông	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.350	1.350	
+	Xăng, dầu vận chuyển vật chất, chuyển com	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Điện sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.150	3.150	
+	Nước sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	4.200	4.200	
+	Lắp đặt Intenex thuê bao 6 tháng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.350	1.350	
+	Bình xịt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	360	360	
+	Bình phun thuốc khử khuẩn 20 lít	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	800	800	
+	Loa cầm tay TOA ER-31215 15W	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Làm biển bảng các khu vực	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.250	1.250	
+	Biển phòng ở, phòng điều hành, phòng đệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	540	540	
-	<b>Khu cách ly tập trung tại Trường mầm non Đồng Lạc</b>			<b>194.675</b>	<b>194.675</b>	
+	Tiền ăn cho người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (15 người x 21 ngày x 80.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	25.200	25.200	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Phụ cấp chống dịch đối với người làm nhiệm vụ tại khu cách ly (15 người x 21 ngày x 150.000đ/người/ngày)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	47.250	47.250	
+	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt đối với người cách ly tại khu cách ly (80 người x 21 ngày x 40.000 đ)	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	67.200	67.200	
+	Thùng đựng rác trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.780	3.780	
+	Chổi lau trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	900	900	
+	Chổi chít trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	450	450	
+	Chổi xương ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	400	400	
+	Chổi nhựa trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	315	315	
+	Chổi cọ bồn cầu	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	180	180	
+	Hót rác trong phòng công dân cách ly + ngoài sân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	140	140	
+	Ấm đun nước trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.350	1.350	
+	Chậu rửa mặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	360	360	
+	Chậu giặt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	630	630	
+	Gối cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.100	2.100	
+	Chiều cá nhân	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.700	2.700	
+	Chăn, màn cá nhân 1,0m	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	21.000	21.000	
+	Quạt cây 21 phòng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.600	3.600	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Thùng đựng rác to 120 lít C.cộng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.800	1.800	
+	Phích nước nóng rạng đồng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.350	1.350	
+	Xăng, dầu vận chuyển vật chất, chuyển com	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Điện sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.520	2.520	
+	Nước sinh hoạt	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	3.150	3.150	
+	Lắp đặt Intenex thuê bao 6 tháng	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.350	1.350	
+	Bình xịt trong phòng công dân cách ly	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	360	360	
+	Bình phun thuốc khử khuẩn 20 lít	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	800	800	
+	Loa cầm tay TOA ER-31215 15W	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.000	2.000	
+	Làm biển bảng các khu vực	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.250	1.250	
+	Biển phòng ở, phòng điều hành, phòng đệm	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	540	540	
-	<b>Vật chất đảm bảo công tác hậu cần tại các khu cách ly tập trung tại các trường (mầm non Bồ Hạ, thị trấn Bồ Hạ, Đồng Kỳ, Hương Vỹ)</b>			<b>20.580</b>	<b>20.580</b>	
+	Rổ đựng rau loại to	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	770	770	
+	Rá vo gạo loại to	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	770	770	
+	Dao chặt thái	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.650	1.650	
+	Thớt nghiền	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.800	2.800	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Tủ lạnh 50 lít bảo quản lưu nghiệm thức ăn Funiki FR-51CD	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.500	2.500	
+	Tủ bảo quản thực phẩm Hòa Phát 656 S2-D2	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	6.000	6.000	
+	Chậu rửa rau, vo gạo loại to ( Nhựa )	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	600	600	
+	Sọt nhựa to đựng rau	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	240	240	
+	Chảo rán loại to	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.350	1.350	
+	Bếp ga công nghiệp	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	2.100	2.100	
+	Xoong canh to 70 lít	473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Ban CHQS huyện	1.800	1.800	
<b>4</b>	<b>Điều chỉnh tăng, giảm nguồn dự phòng ngân sách huyện 2021</b>			<b>929.035</b>	<b>929.035</b>	
-	Điều chỉnh giảm kinh phí mua vật tư, hóa chất phòng dịch bệnh Covid-19 đã cấp cho Trung tâm Y tế huyện tại Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 và Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND huyện	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021		929.035	929.035	
+	Tuýp chứa môi trường bảo quản virus hô hấp	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	30.000	30.000	
+	Que mềm lấy dịch tị hầu	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	7.000	7.000	
+	Tăm bông cán nhựa lấy dịch họng	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	400	400	
+	Khẩu trang N95	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	10.000	10.000	
+	Bộ trang phục phòng chống dịch	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	97.000	97.000	
+	Quần áo chống dịch	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	28.600	28.600	
+	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh THA 500 ml	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	25.000	25.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Găng tay khám bệnh	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	6.350	6.350	
+	Chloramin B	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	10.500	10.500	
+	Khẩu trang y tế	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	8.450	8.450	
+	Kính chống giọt bắn	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	8.500	8.500	
+	Thanh dề lưỡi gỗ	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	600	600	
+	Máy đo thân nhiệt điện tử cầm tay	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	400	400	
+	Que mềm lấy dịch tị hầu	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	278.400	278.400	
+	Tăm bông cán nhựa lấy dịch họng	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	7.500	7.500	
+	Găng tay khám bệnh	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	3.650	3.650	
+	Túi đựng rác thải	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	500	500	
+	Cồn 70	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	5,5	5,5	
+	Găng tay sản dài	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	25.175	25.175	
+	Nhiệt kế thủy ngân	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	13.000	13.000	
+	Huyết áp đồng hồ + ống nghe tim phổi	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	1.000	1.000	
+	Kính chống giọt bắn	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	11.000	11.000	
+	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	1.000	1.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Que thử xét nghiệm kháng nguyên vi rút SARS - CoV2 (Standard™ Q Covid -19 Ag Test )	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	306.504	306.504	
+	Bộ trang phục phòng dịch	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	48.500	48.500	
-	Bổ sung tăng cho Trung tâm Y tế kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 (đợt 4 năm 2021)			205.214	205.214	
+	Kinh phí sửa chữa ô tô phục vụ phòng, chống dịch (xe 98M 000.09 - Trường Trung cấp nghề miền núi Yên Thế)	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	4.300	4.300	
+	Kinh phí sửa chữa ô tô phục vụ phòng, chống dịch (xe 98H 4069 - Ban QLDAXD huyện Yên Thế)	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	7.474	7.474	
+	Xăng xe chuyển người dân đi đến khu vực cách ly phòng chống dịch; chuyển mẫu bệnh phẩm Covid-19 đi xét nghiệm; xe đi giám sát, chỉ đạo công tác phòng chống dịch	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	171.440	171.440	
+	Giấy xác nhận tiêm vắc xin	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	14.000	14.000	
+	Giấy xác nhận tiêm vắc xin (Bù giá đã phân bổ đợt 2)	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Trung tâm Y tế huyện	8.000	8.000	
-	Thu hồi, bổ sung nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2021	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021		723.821	723.821	
<b>5</b>	<b>Hỗ trợ Ban CHQS huyện kinh phí bảo đảm cho nhiệm vụ phá hủy bom khắc phục hậu quả sau chiến tranh tại xã Tiến Thắng</b>	<b>636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021</b>	<b>Ban CHQS huyện</b>	<b>6.270</b>	<b>6.270</b>	
<b>VI</b>	<b>Chi khác ngân sách huyện năm 2021</b>			<b>80.040</b>	<b>80.040</b>	
1	Hỗ trợ các điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (Yên Thế, Bó Hạ, Mỏ Trạng)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	Trường THPT: Yên Thế, Bó Hạ, Mỏ Trạng	37.200	37.200	
2	Bổ sung cho Phòng Lao động - TB&XH kinh phí phát sinh tặng quà nhân ngày TBLS 27/7/2021	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	Phòng Lao động - Thương binh và XH	8.000	8.000	
3	Bổ sung cho Hội nông dân huyện kinh phí tổ chức tổng kết phong trào thi đua SXKD giỏi	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	Hội Nông dân huyện	8.840	8.840	
4	Bổ sung cho Hội Người cao tuổi huyện kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ III, nhiệm kỳ 2021-2026	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	Hội Người cao tuổi huyện	26.000	26.000	
<b>VII</b>	<b>Kinh phí bầu cử Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026</b>			<b>1.228.138</b>	<b>1.228.138</b>	



TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
1	Điều chỉnh tăng chi cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2016 (từ điều chỉnh giảm chi Lễ hội Yên Thế năm 2021 - Sự nghiệp văn hóa)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	Phòng Nội vụ, UBND xã, thị trấn	881.638	881.638	
2	Điều chỉnh tăng, giảm kinh phí bầu cử phân bổ tại Quyết định 397/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 - Ủy ban MTTQ huyện			9.000	9.000	
-	Điều chỉnh giảm chi tặng quà cho người rút khỏi danh sách giới thiệu ứng cử	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	UBMTT huyện	9.000	9.000	
-	Điều chỉnh tăng chi cho giám sát công tác bầu cử	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	UBMTT huyện	9.000	9.000	
3	Bổ sung kinh phí phục vụ công tác bầu cử (bao gồm cả kinh phí bầu cử thêm đại biểu HĐND cấp xã)	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Phòng Nội vụ, UBND xã, thị trấn	199.776	199.776	
4	Bổ sung, đồng thời thu hồi kinh phí phục vụ công tác bầu cử tại Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 21/5/2021, từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh	536/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	Phòng Nội vụ, UBND xã, thị trấn	137.724	137.724	
<b>VIII</b>	<b>Nguồn kinh phí nâng cấp đài truyền thanh cơ sở năm 2021</b>			<b>603.960</b>	<b>500.000</b>	
1	Nâng cấp Đài truyền thanh cơ sở xã Hương Vĩ	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Hương Vĩ	267.763	230.000	
2	Nâng cấp Đài truyền thanh cơ sở xã Đồng Lạc	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Đồng Lạc	124.635	100.000	
3	Nâng cấp Đài truyền thanh cơ sở xã Tân Sỏi	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Tân Sỏi	211.562	170.000	
<b>IX</b>	<b>Nguồn ngân sách cấp xã chưa phân bổ</b>			<b>1.325.802</b>	<b>1.325.802</b>	
1	Bổ sung cho UBND các xã, thị trấn kinh phí tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	UBND các xã, thị trấn	500.000	500.000	
2	Bổ sung hỗ trợ UBND xã Canh Nậu kinh phí chi trả GPMB đất ở nông thôn của ông Nguyễn Văn Nam, bản Đóng Cao	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Canh Nậu	33.120	33.120	
3	Bổ sung cho UBND thị trấn Bồ Hạ thanh toán tiền điện chiếu sáng đô thị năm 2021	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	UBND thị trấn Bồ Hạ	53.000	53.000	
4	Bổ sung kinh phí do tăng thêm quân số huấn luyện dân quân năm 2021	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	UBND các xã, thị trấn	233.404	233.404	
5	Bổ sung tiền ăn cho LL dân quân tham gia huấn luyện năm 2021	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	UBND các xã, thị trấn	506.278	506.278	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
<b>X</b>	<b>Điều chỉnh tăng, giảm ngân sách xã đã phân bổ</b>			<b>158.536</b>	<b>158.536</b>	
1	Điều chỉnh giảm kinh phí tham gia hội thi, hội thao quân sự năm 2021	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	UBND các xã, thị trấn	(158.536)	(158.536)	
2	Điều chỉnh tăng kinh phí huấn luyện do tăng thêm quân số huấn luyện năm 2021	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	UBND các xã, thị trấn	158.536	158.536	
<b>XI</b>	<b>Thu hồi dự toán đến 30/6/2021 chưa phân bổ; các khoản dự kiến đến cuối năm không triển khai thực hiện được hoặc triển khai thực hiện nhưng không hết kinh phí được giao; kinh phí mua sắm, sửa chữa đã bố trí trong dự toán giao đầu năm nhưng đến 30/6/2021 chưa phê duyệt dự toán, chưa thực hiện bất kỳ công việc nào...</b>			<b>11.993.734</b>	<b>11.993.734</b>	
<b>1</b>	<b>Các khoản chi thường xuyên được giao dự toán năm 2021 nhưng đến 30/6/2021 chưa phân bổ</b>			<b>2.386.174</b>	<b>2.386.174</b>	
-	Lễ hội Yên Thế năm 2021	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		918.174	918.174	
-	Sự nghiệp công nghệ thông tin (Bao gồm cả phần kinh phí đối ứng camera an ninh)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		1.468.000	1.468.000	
<b>2</b>	<b>Các khoản kinh phí chi thường xuyên được giao dự toán năm 2021 dự kiến đến cuối năm không triển khai thực hiện được hoặc triển khai thực hiện nhưng không hết kinh phí được giao</b>			<b>2.824.422</b>	<b>2.824.422</b>	
<b>2.1</b>	<b>Quản lý hành chính</b>			<b>357.000</b>	<b>357.000</b>	
-	Văn phòng Huyện ủy (Chi chung khối huyện ủy)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		200.000	200.000	
-	Văn phòng HĐND và UBND huyện (Chi chung UBND huyện)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		100.000	100.000	
-	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		20.000	20.000	
-	Phòng Tư pháp	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		17.000	17.000	
-	Ủy ban MTTQ huyện	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		10.000	10.000	
-	Hội Cựu chiến binh huyện	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		10.000	10.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
<b>2.2</b>	<b>Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và Thể thao</b>			<b>177.000</b>	<b>177.000</b>	
-	Chi chung hoạt động Đài truyền thanh	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		97.000	97.000	
-	Trạm phát lại truyền hình	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		80.000	80.000	
<b>2.3</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>			<b>867.422</b>	<b>867.422</b>	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			610.000	610.000	
+	Kinh phí truyền thông, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu, ... các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của địa phương và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		300.000	300.000	
+	Kinh phí thực hiện quản lý ATTP lĩnh vực nông nghiệp; giám sát, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện (tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, kiểm tra, giám sát, phân tích mẫu, ...)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		40.000	40.000	
+	Kinh phí học tập, trao đổi kinh nghiệm mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp trong và ngoài tỉnh	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		60.000	60.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		50.000	50.000	
+	Thực hiện tư vấn, khảo sát, lập phương án chuyển loại rừng sản xuất sang phòng hộ	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		150.000	150.000	
+	Kinh phí hoạt động của Văn phòng điều phối nông thôn mới	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		10.000	10.000	
-	Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp			257.422	257.422	
+	Dự kiến hỗ trợ tập huấn (200 lớp x 300 ngàn)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		15.000	15.000	
+	Kinh phí thực hiện các dự án các mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa bền vững (20 mô hình đã được phân bổ kinh phí)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		242.422	242.422	
<b>2.4</b>	<b>Sự nghiệp khuyến công (Phòng Kinh tế và Hạ tầng)</b>			<b>778.000</b>	<b>778.000</b>	
-	Chi tham gia các hội chợ và quảng bá các sản phẩm trong và ngoài tỉnh	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		75.000	75.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
-	Hội trợ quảng bá các mặt hàng nông sản của huyện và các nhiệm vụ khác	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		703.000	703.000	
<b>2.5</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác (Phòng Tài chính - Kế hoạch)</b>			<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	
-	Kinh phí triển khai thực hiện NQ số 01 của Chính phủ; ngày doanh nhân Việt Nam; tập huấn chuyên môn...	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		70.000	70.000	
-	Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo PTKTTT huyện	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		30.000	30.000	
<b>2.6</b>	<b>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</b>			<b>135.000</b>	<b>135.000</b>	
-	Chi chung sự nghiệp giáo dục (Phòng GD&ĐT)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		100.000	100.000	
-	Chi đào tạo (Trung tâm BDCT huyện)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		35.000	35.000	
<b>2.7</b>	<b>Ngân sách cấp xã</b>			<b>410.000</b>	<b>410.000</b>	
-	Ngày hội văn hóa các dân tộc (UBND xã Xuân Lương)			300.000	300.000	
-	Kinh phí tổ chức Lễ hội chùa Lèo, Đền Thờ nghĩa quân Yên Thế, tại thị trấn Phồn Xương (Di tích QGĐB)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		50.000	50.000	
-	Kinh phí tổ chức Lễ hội Đền Cầu Khoai, tại xã Tam Hiệp (Di tích QGĐB)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		30.000	30.000	
-	Kinh phí tổ chức Lễ hội Đình Đình Thép, tại xã Tân Hiệp (Di tích QGĐB)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		30.000	30.000	
<b>3</b>	<b>Nguồn kinh phí mua sắm, sửa chữa đã bố trí trong dự toán ngân sách giao đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2021 chưa phê duyệt dự toán, chưa thực hiện bất kỳ công việc nào của công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định</b>			<b>6.783.138</b>	<b>6.783.138</b>	
<b>3.1</b>	<b>Cấp huyện</b>			<b>4.283.138</b>	<b>4.283.138</b>	
-	Sự nghiệp kinh tế			3.410.701	3.410.701	
+	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án khu dân cư bản Trại Hồng, Xã Hồng Kỳ	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		24.110	24.110	
+	Sửa chữa Hội trường UBND huyện	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		66.702	66.702	
+	Hỗ trợ các xã, thị trấn lập quy hoạch điều chỉnh Nông thôn mới (16 xã x 150 triệu/xã)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		2.400.000	2.400.000	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Xây dựng lan can hồ Khu di tích Lịch sử HHT	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		369.712	369.712	
+	Chi đầu tư một số dự án quan trọng trên địa bàn huyện Yên Thế	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		550.177	550.177	
-	Sự nghiệp Giáo dục			872.437	872.437	
+	Trường THCS Hồng Kỳ HM: Thay cửa sổ dãy nhà 2 tầng 8 phòng học, lát mới sân trường (phần còn lại)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		235.400	235.400	
+	Lát sân trường trường TH & THCS Tân Hiệp (khối THCS)	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		136.500	136.500	
+	Sửa chữa khu KTX trường Phổ thông Dân tộc Nội trú	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		500.000	500.000	
+	KP bổ sung sửa chữa hạng mục lát sân, thay cửa sổ phòng học năm 2020	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		537	537	
<b>3.2</b>	<b>Ngân sách cấp xã</b>			<b>2.500.000</b>	<b>2.500.000</b>	
-	Kinh phí hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc Công an xã chính quy	512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021		2.500.000	2.500.000	
<b>XII</b>	<b>Phân bổ kinh phí từ nguồn thu hồi dự toán tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện</b>			<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>	
1	Phân bổ kinh phí chi trả tiền ăn cho LL dân quân tham gia huấn luyện năm 2021	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	UBND các xã, thị trấn	800.000	800.000	
2	Hỗ trợ giải quyết đơn của ông Lê Văn Dũng, tổ dân phố Mạc 2, thị trấn Phồn Xương	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	UBND thị trấn Phồn Xương	200.000	200.000	
<b>XIII</b>	<b>Phân bổ nguồn Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn lại</b>			<b>6.693.106</b>	<b>4.430.000</b>	
<b>1</b>	<b>Kinh phí chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021</b>			<b>6.693.106</b>	<b>2.614.217</b>	
-	Cải tạo, sửa chữa chợ Công Châu, hạng mục: Rãnh thoát nước; xây dựng 01 nhà vệ sinh	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	UBND xã Đồng Hưu	1.174.787	930.000	
-	Xây rãnh thoát nước đoạn tính lộ 242 thuộc xã Đồng Hưu qua ngã ba Trại mới	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	Ban QLDAĐTXD huyện	2.518.319	500.000	
-	Sửa chữa ao cá Bác Hồ, phố Gia Lâm, thị trấn Bồ Hạ	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	Ban QLDAĐTXD huyện	3.000.000	1.184.217	
<b>2</b>	<b>Nguồn kinh phí năm 2021</b>			<b>3.000.000</b>	<b>1.815.783</b>	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
-	Sửa chữa ao cá Bác Hồ, phố Gia Lâm, thị trấn Bồ Hạ	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	Ban QLDAĐTXD huyện	3.000.000	1.815.783	
<b>XIV</b>	<b>Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021</b>			<b>730.595</b>	<b>730.595</b>	
<b>1</b>	Bổ sung kinh phí chi lương, phụ cấp cho các cơ quan đơn vị thuộc huyện (nâng lương trước hạn, thường xuyên, tiếp nhận, điều động...)	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	Các cơ quan đơn vị thuộc Huyện ủy, UBND huyện	574.819	574.819	
<b>2</b>	Điều chỉnh tăng giảm kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp do tăng, giảm biên chế	636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021		127.909	127.909	
-	<i>Điều chỉnh giảm kinh phí</i>	<i>636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021</i>	<i>Phòng Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>(127.909)</i>	<i>(127.909)</i>	
-	<i>Điều chỉnh tăng kinh phí</i>	<i>636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021</i>	<i>Phòng Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>12.517</i>	<i>12.517</i>	
-	<i>Điều chỉnh tăng kinh phí</i>	<i>636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021</i>	<i>Văn phòng HĐND và UBND huyện</i>	<i>31.977</i>	<i>31.977</i>	
-	<i>Thu hồi về nguồn cải cách tiền lương ngân sách huyện</i>	<i>636/QĐ-UBND ngày 29/10/2021</i>		<i>83.415</i>	<i>83.415</i>	
3	Bổ sung cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kinh phí chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng NN&PTNT huyện	27.867	27.867	
<b>XV</b>	<b>Điều chỉnh các nguồn kinh phí do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng làm chủ đầu tư</b>			<b>123.932.974</b>	<b>14.709.731</b>	
<b>1</b>	<b>Điều chỉnh tăng, giảm sự nghiệp kiến thiết thị chính</b>			<b>13.082.368</b>	<b>158.027</b>	
-	<b>Công trình đã quyết toán</b>			<b>5.221.519</b>	<b>(134.795)</b>	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Xây dựng đường dây 0,4kv từ nhà văn hóa Đồng Chinh đến khu xử lý rác thải xã Tam Tiến, huyện Yên Thế	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		637.458	(80.027)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Cải tạo, nâng cấp phòng chờ tiếp công dân, sửa chữa sân, tường rào trụ sở Thanh tra huyện Yên Thế	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		507.009	(10.906)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Cải tạo, lát vỉa hè thị trấn Cầu Gồ, huyện Yên Thế (tuyến 2).	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		4.077.052	(43.862)	
-	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>7.860.849</b>	<b>(23.232)</b>	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Cải tạo, sửa chữa phòng khách UBND huyện Yên Thế	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		126.768	(23.232)	
+	Sửa chữa trụ sở Huyện ủy huyện	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	2.547.498	34.138	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Cải tạo, lát vỉa hè thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế (tuyến 3).	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	5.186.583	123.889	
<b>2</b>	<b>Điều chỉnh tăng, giảm vốn sự nghiệp giáo dục</b>			<b>73.203.901</b>	<b>9.056.324</b>	
-	<b>Công trình đã quyết toán/ chuyển tiếp</b>			<b>26.835.985</b>	<b>716.923</b>	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Trường tiểu học Cầu Gò; Hạng mục: Xây dựng bếp ăn và phòng ngủ bán trú học sinh, nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		1.965.112	(35.272)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Trường tiểu học thị trấn Phồn Xương; Hạng mục: Đường vào cổng, sân thể dục khu A, móng cột điện	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		1.152.715	(47.285)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Lát nền, thay thế hệ thống cửa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Tam Hiệp; Sửa chữa sân trường, thay thế cửa sổ, cửa chính dãy nhà 2 tầng, khu phòng học cấp 4 Trường THCS Hương Vĩ.	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		702.133	(75.867)	
+	Xây dựng 04 phòng chức năng trường THCS Tam Tiến huyện Yên Thế	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	1.619.038	72.038	
+	Cải tạo 10 phòng trường tiểu học thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	965.547	31.927	
+	Lát sân trường khối THCS Trường TH và THCS Tân Hiệp; Sửa trần, mái tôn lớp học 1B+2B +sửa chữa nhà vệ sinh, nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học và nhà hiệu bộ Trường TH và THCS Đồng Tâm.	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	698.217	73.217	
+	Thay thế cửa sổ, cửa chính và lát lại nền nhà hiệu bộ, nhà 6 phòng học khu Bản Ven Trường tiểu học Xuân Lương; Cải tạo dãy nhà phòng học 2 tầng, lát lại sân Trường mầm non Đồng Tâm	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	1.036.316	48.763	
+	Mở rộng sân khấu, lát nền nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường tiểu học Tân Sỏi; Xây dựng cổng trường, quét vôi ve nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học trường tiểu học Hồng Kỳ; Thay thế cửa sổ, cửa đi phòng chức năng, xây hàng rào bảo vệ Trường THCS Tân Sỏi.	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	809.130	74.130	
+	Xây dựng 5 phòng công vụ và chức năng trường tiểu học Xuân Lương (khu lẻ)	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	1.925.726	57.234	
+	Xây dựng 06 phòng học trường mầm non Hương Vỹ.	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	4.893.084	92.136	
+	Xây dựng 15 phòng học; nhà vệ sinh, cổng trường trường THCS Hoàng Hoa Thám	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	7.932.238	122.173	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
+	Xây dựng 6 phòng học và chức năng trường THCS Xuân Lương	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	3.136.729	303.729	
-	Công trình khởi công mới			46.367.916	(716.923)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Xây dựng 3 phòng học trường tiểu học Đồng Hưu	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021			(540.000)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: 8 phòng học trường MN Tam Tiến	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021			(3.240.000)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Xây dựng cổng trường tiểu học Tam Hiệp	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021			(180.000)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Bếp ăn 1 chiều, sân trường, tường bao trường mầm non Tam Tiến	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021			(540.000)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Xây dựng 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		14.664.910	(3.700.000)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Xây dựng 10 phòng trường THCS Đông Sơn	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		14.513.901	(697.900)	
+	Xây mới 07 phòng học, phòng chức năng; bếp ăn một chiều trường mầm non An Thượng	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	7.460.426	3.500.000	
+	Trường THCS Hoàng Hoa Thám; HM: Lát sân, vườn, đường nội bộ	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	1.119.283	720.000	
+	Xây dựng 3 phòng học chức năng + lát sân trường tiểu học Đồng Kỳ	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	2.003.118	1.000.000	
+	Sửa chữa bếp ăn một chiều trường mầm non Hương Vỹ	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	417.609	300.000	
+	Xây dựng bếp ăn một chiều trường mầm non Đồng Lạc	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	730.460	300.000	
+	Trường tiểu học Đồng Lạc; HM: Lát lại sân cho học sinh; tường bao	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	868.231	117.900	
+	Xây dựng mới 5 phòng học + chức năng Trường tiểu học Canh Nậu	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	1.511.538	740.000	
+	Xây mới 4 phòng + chức năng trường tiểu học Tân Sỏi	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	1.864.687	800.000	
+	Sửa chữa trường tiểu học Hương Vỹ; HM: lát sân trường, sửa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	1.213.753	703.077	



TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
<b>3</b>	<b>Điều chỉnh tăng, giảm vốn sự nghiệp kinh tế khác</b>			<b>37.646.705</b>	<b>5.495.380</b>	
-	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>58.602</b>	<b>(3.441.398)</b>	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Cải tạo, nâng cấp Nhà trung bày khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021			(3.500.000)	
+	Thay thế mái che nhà xử lý rác thải và máy bơm tảo tại bãi rác tập trung xã Tam Tiến	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	58.602	58.602	
-	<b>Công trình đã quyết toán/chuyển tiếp</b>			<b>33.136.122</b>	<b>3.441.398</b>	
+	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Trung tâm dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp; Trạm khuyến nông Mở Trạng	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	953.421	33.421	
+	Cải tạo, nâng cấp đường trục các xã Đông Sơn, Tân Hiệp, Phồn Xương (đoạn từ UBND xã đi trường THCS khu Bến Trăm xã Đông Sơn; đoạn ngã ba thôn Đồng Tâm đi UBND xã Tân Hiệp; đoạn từ trường Trung cấp nghề miền núi đi tỉnh lộ 292 xã Phồn Xương) và sửa chữa ngầm Cầu Gián	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	13.052.630	552.630	
+	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (đoạn Hoàng Long - Đồng Bài - Đồng Gia)	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	3.440.004	1.440.004	
+	Cải tạo, sửa chữa đường nối từ TL242 thuộc xã Đồng Hưu qua ngã ba Trại Mới đi thôn Bến Trăm xã Đông Sơn	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	2.072.421	22.421	
+	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đồng Hưu (đoạn từ cầu Suối Cây đi tỉnh lộ 242)	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	13.617.646	1.392.922	
-	<b>Điều chỉnh giảm các dự án (kinh phí chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021)</b>			<b>4.451.981</b>	<b>1.995.380</b>	
+	Điều chỉnh giảm: Kinh phí thực hiện đề án camera an ninh (Kinh phí đối ứng phân ngân sách huyện)	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		826.620	(826.620)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Xây dựng kè tràn lồi liền đường 268 qua khu tổ 3 thôn Đề Thám, bản Cầu Tư xã Hồng Kỳ với đường trục xã Đồng Tâm chiều dài ngầm 100m, đường dẫn 2 đầu ngầm 300m.	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		1.275.361	(318.760)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Kinh phí đối ứng dự án thực hiện đất trồng lúa năm 2021: Kênh tưới, tiêu thôn Trại Nhất, xã Hồng Kỳ	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		300.000	(300.000)	
+	Điều chỉnh giảm công trình: Nâng cấp nền đường trục xã Đồng Tâm (đoạn từ đường rẽ vào đền Thác Thần đến ngã ba rẽ vào cầu mới đi thôn Cầu Tư), huyện Yên Thế	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		2.050.000	(550.000)	
<b>XVI</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác</b>			<b>584.897</b>	<b>584.897</b>	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
1	Điều chỉnh giảm kinh phí lập dự án chuẩn bị đầu tư	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		584.897	(584.897)	
<b>XVII</b>	<b>Điều chỉnh tăng, giảm Phương án chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021</b>			<b>20.879.669</b>	<b>3.196.056</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công (nguồn năm 2020 chuyển sang năm 2021) phân bổ lại</b>			<b>1.608.440</b>	<b>639.930</b>	
-	<b>Điều chỉnh giảm</b>			-	<b>(639.930)</b>	
+	Điều chỉnh giảm: Kinh phí đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận QSDĐ nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa xã Tân Hiệp	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	(63.137)	
+	Điều chỉnh giảm: Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Yên Thế	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	(113.736)	
+	Điều chỉnh giảm: Kinh phí đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận QSDĐ nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa xã An Thượng	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Tài nguyên và Môi trường	-	(463.057)	
-	<b>Điều chỉnh tăng</b>			<b>1.608.440</b>	<b>639.930</b>	
+	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị số 01 thị trấn Phồn Xương	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	562.470	120.000	
+	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư thôn Trại Chuối 1 xã Đồng Kỳ	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	235.760	100.000	
+	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư thôn Công Châu xã Đồng Hương	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	233.070	100.000	
+	Lập quy hoạch chi tiết dự án Khu thương mại dịch vụ kết hợp khu dân cư thôn Hoàng Long, xã Tân Hiệp	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	300.000	120.000	
+	Nhiệm vụ cắm mốc giới theo Quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Khu đô thị số 01 thị trấn Phồn Xương; dự án Khu dân cư mới thôn Trại Chuối xã Đồng Kỳ; dự án Quy hoạch di tích lịch sử Quốc gia khu di tích lịch sử Đồn Phồn Xương và Khu đền thờ Kỳ Đồng, Động Thiên Thai xã Hồng Kỳ	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	277.140	199.930	
<b>2</b>	<b>Tiết kiệm chi sự nghiệp Giáo dục</b>			<b>19.271.229</b>	<b>2.556.126</b>	
-	Điều chỉnh giảm: Kinh phí mua sắm hệ thống lọc nước tinh khiết phục vụ học sinh ăn, uống bán trú (công suất 150 lít/h và 250 lít/h)	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	1.403.889	(76.454)	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
-	Điều chỉnh giảm: Kinh phí mua sắm thay SGK lớp 2, lớp 6	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	2.461.078	(388.922)	
-	Điều chỉnh giảm: Kinh phí mua sắm trang thiết bị trường trọng điểm và khu vực trường trọng điểm	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	1.507.454	(492.546)	
-	Điều chỉnh giảm: Phòng họp trực tuyến (phục vụ sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên, hội họp)	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	1.601.546	(398.454)	
-	Đầu tư trường chuẩn mới, chuẩn lại năm 2021 và năm học 2021-2022	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	1.384.500	1.377.500	
-	Điều chỉnh giảm: Bổ sung thiết bị, đồ dùng cho các trường MN, TH, THCS	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	800.250	(1.199.750)	
-	Xây dựng 15 phòng học; nhà vệ sinh, cổng trường trường THCS Hoàng Hoa Thám	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	7.932.238	328.716	
-	Xây dựng cổng, tường rào, lát sân trường mầm non Đồng Vương (khu Đồng Đăng)	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	759.152	200.000	
-	Sửa chữa, thay thế một số cửa các phòng, lớp học trường mầm non Cầu Gò	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	527.781	350.000	
-	Sửa chữa trường tiểu học thị trấn Phồn Xương; HM: Sửa chữa cửa lớp học (khu chính)	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	351.439	159.910	
-	Xây mới cổng trường tiểu học Tiến Thắng (khu chính)	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	244.239	60.000	
-	Xây dựng cổng trường THCS Đồng Tiến	671/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	297.663	80.000	
<b>XVIII</b>	<b>Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm để chi cho các nhiệm vụ phát sinh</b>			<b>2.580.277</b>	<b>2.580.277</b>	
1	Bổ sung cho Phòng Nội vụ huyện kinh phí bổ sung Quỹ thi đua khen thưởng của huyện năm 2021	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Phòng Nội vụ	678.215	678.215	
2	Hỗ trợ Trường THPT Yên Thế kinh phí tổ chức 55 năm Ngày thành lập và đón nhận Huân chương lao động hạng Nhất	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Trường THPT Yên Thế	70.000	70.000	
3	Bổ sung cho Hội Người mù kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VII	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Hội người mù	33.507	33.507	

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ của UBND huyện	Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện)	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán) được duyệt	Kinh phí đề nghị phân bổ; điều chỉnh tăng, giảm kỳ này	Ghi chú
4	Bổ sung đồng thời thu hồi kinh phí chi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (tại QĐ số 397/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện)	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	UBND các xã, thị trấn	1.381.638	1.381.638	
5	Bổ sung, đồng thời thu hồi kinh phí tạm ứng cho Công an huyện thực hiện dự án sản xuất, cấp, quản lý căn cước công dân (tại QĐ số 625/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện)	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	Công an huyện	200.000	200.000	
6	Thu hồi về sự nghiệp kinh tế khác ngân sách huyện - Kinh phí lập các dự án chuẩn bị đầu tư)	673/QĐ-UBND ngày 16/11/2021		216.917	216.917	